

Bản án số: **148/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 09-9-2022
V/v “*Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lương Khoa

Ông Trần Thị Kim Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 132/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Tổ 10, ấp VK, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Minh P, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Tổ 10, ấp VK, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B trình bày: Chị và anh Trần Minh P tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc. Nguyên nhân là do trong suốt 10 năm chung sống, anh P thường đánh đập chị. Ngoài ra, anh Phú còn rượu

chè, cờ bạc; anh P chơi bời khiến chị phải đi làm trả nợ cho anh. Rất nhiều lần anh P nhậu say về đập phá đồ đạc. Khoảng 01 năm nay, do không thể chịu đựng được nữa nên chị đã chuyển về nhà ngoại sống. Hiện nay, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị không có con chung.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

Chị có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn anh Trần Minh P đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh Trần Minh P đã không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: căn cứ các Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc B. Chị Bích được ly hôn với anh P. Về con chung: Không xem xét giải quyết. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án và tư cách tố tụng: chị Nguyễn Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Minh P nên quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quan hệ pháp luật này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh P có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ tổ 10, ấp VK, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai (bút lục 5, bút lục 45) nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

Chị B có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh P, do đó xác định chị B là nguyên đơn, anh P là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Minh P đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Bích và anh Phú là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh P tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Chị B cho rằng cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc. Nguyên nhân là do trong suốt 10 năm chung sống, anh P thường đánh đập chị. Ngoài ra, anh P còn rượu chè, cờ bạc; anh P chơi bời khiến chị phải đi làm trả nợ cho anh. Rất nhiều lần anh P nhậu say về đập phá đồ đạc. Khoảng 01 năm nay, do không thể chịu đựng được nữa nên chị đã chuyển về nhà ngoại sống. Hiện nay, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P. Anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, cho thấy anh P thờ ơ, không muốn hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó nhận thấy, tình trạng hôn nhân của chị B và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B là phù hợp với Điều 56 Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị B và anh P không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị B trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh P đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai do vậy không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị B trình bày anh chị không có nợ chung. Anh P đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai do vậy, không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Bích phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn với anh Trần Minh P.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 28/03/2011 do Ủy ban nhân dân xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Ngọc B đã nộp theo biên lai thu số 0006127 ngày 09 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được khấu trừ vào án phí. Chị Nguyễn Thị Ngọc B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Hương